

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA QHCC-TT**

**ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024**

I. Thông tin chung

| | | | |
|-----------------------------------|--|-------------|------|
| Tên học phần: | Cơ sở văn hóa Việt Nam | | |
| Mã học phần: | 772CULT20012 | Số tín chỉ: | 2 |
| Mã nhóm lớp học phần: | 232_72CULT20012_01,02 | | |
| Hình thức thi: Bài tập lớn | Thời gian làm bài: | 10 | ngày |
| <input type="checkbox"/> Cá nhân | <input checked="" type="checkbox"/> Nhóm | | |
| Quy cách đặt tên file | Mã lớp HP_Mã nhóm_Bài thi cuối kỳ | | |

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức đánh giá | Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%) | Câu hỏi thi số | Điểm số tối đa | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI |
|-------------|--|--------------------|--|----------------|----------------|-------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Áp dụng kiến thức mang tính lý thuyết về đặc trưng, chức năng và loại hình văn hoá vào việc nhận diện và phân tích các giá trị văn hoá VN trong lĩnh vực hoạt động của QHCC một cách hiệu quả. | Tiểu luận | 40 | 1 | 4,0 | PI1.1 |
| CLO2 | Đề xuất ý tưởng thiết kế các sản phẩm truyền thông, QHCC chứa đựng các giá trị văn hoá VN phục vụ hoạt động truyền thông đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, tổ chức. | Tiểu luận | 30 | 2 | 3,0 | PI3.2 PI3.3 |
| CLO4 | Thể hiện ý thức bảo tồn và truyền bá các giá trị văn hoá VN qua các sản phẩm truyền thông, hoạt động QHCC. | Tiểu luận | 30 | 3 | 3,0 | PI9.1 |

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài

Áp dụng kiến thức đã học, anh/chị hãy chọn một trong những giá trị văn hoá cụ thể của Việt Nam mà anh/chị yêu thích để truyền thông với công chúng bằng hình thức sản phẩm truyền thông catalogue hoặc video.

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

2.1. Yêu cầu chung:

- 1) Sinh viên thực hiện bài thi theo nhóm (7-10 người);
- 2) Hình thức trình bày: sản phẩm truyền thông catalogue (tối đa 30 trang) hoặc video (tối đa 15 phút), có kết cấu ba phần (mở đầu, nội dung, kết luận) rõ ràng.
 - a. Phần thông tin bắt buộc: Tên chủ đề được chọn, tên Trường, Khoa, tên nhóm thực hiện (mã lớp_tên nhóm_tên môn học), tháng năm thực hiện.
 - b. Phần Nội dung: trình bày đúng trọng tâm, chính xác, có phân tích, biện luận,

có dẫn chứng/liên hệ thực tế. Lưu ý: sinh viên chỉ chọn một trong những giá trị văn hoá vật chất (ẩm thực, trang phục, kiến trúc, phương tiện...) hoặc tinh thần (tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục, lễ hội, nghệ thuật...) của Việt Nam để phân tích.

- c. Phần kết luận: có tóm lược, đánh giá và gợi mở.
- 3) Bài làm có trích nguồn cho nội dung và hình ảnh rõ ràng, tỉ lệ sao chép dưới 15% (bài có tỉ lệ sao chép của các nguồn khác từ 15% trở lên sẽ không chấm = 0 điểm).
- 4) Nộp bài đúng deadline, (nộp trễ = 0 điểm).

2.2. Yêu cầu về Format Tiêu luận (catalogue/video):

- 1) Đổi với catalogue: Font (sử dụng các font chữ không chân). Size: 12-14. Dẫn hàng (Multiple 1.3-1.5).
- 2) Đổi với video: font chữ, size chữ và dẫn hàng sinh viên thiết kế linh hoạt theo chủ đề lựa chọn. Định dạng file mp4.
- 3) Tên file: Mã lớp HP_Mã nhóm _Bài thi cuối kỳ
(VD: 232_71CULT2022_03_Nhóm 1_Bài thi cuối kỳ)
- 4) Có bảng ghi rõ nhiệm vụ của từng cá nhân trong nhóm và chấm trọng số (*đính kèm cuối bài*).
- 5) Cách thức nộp bài: upload file bài làm (pdf/mp4) lên trang CTE đúng ngày thi.

3. Rubric và thang điểm (Rubric 4)

| CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CỦA RUBRIC | TRỌN G SỐ | PHÂN LOẠI | | | |
|--|--------------|---|---|--|---|
| | | Tốt (9,0đ-10,0đ) | Khá (7,0-8,9đ) | Trung bình (5,0đ-6,9đ) | Kém (dưới 5,0đ) |
| | | Áp dụng lý thuyết chính xác, có cơ sở. | Áp dụng lý thuyết tương đối chính xác, có cơ sở. | Áp dụng lý thuyết tương đối chính xác, thiếu có cơ sở. | Áp dụng lý thuyết không chính xác, không có cơ sở. |
| 1. Xác định đúng các nội dung về vai trò ý nghĩa của văn hóa trong SPTT hoặc hoạt động QHCC. | 20% | Phân tích và chứng minh luận điểm rõ ràng, có dẫn chứng. | Phân tích và chứng minh khá rõ ràng | Phân tích và chứng minh tương đối rõ ràng | Phân tích và chứng minh không rõ ràng |
| 2. Phân tích và chứng minh luân điểm rõ ràng, có dẫn chứng. | 20% | Nội dung liên hệ thực tế, mở rộng nội dung nghiên cứu nhưng chưa làm rõ vấn đề được đề cập. | Có liên hệ thực tế, mở rộng nội dung nghiên cứu nhưng chưa làm rõ vấn đề được đề cập. | Có liên hệ thực tế nhưng chưa sát thực | Nội dung liên hệ không khớp/ Không liên hệ thực tế |
| 3. Đề xuất giải pháp hoặc mở rộng luận điểm, liên hệ thực tế chính xác. | 10% | Lựa chọn giá trị phù hợp, đúng thực trạng xu hướng, thị hiếu của đối tượng | Lựa chọn giá trị phù hợp, nhưng chưa cập nhật xu hướng | Lựa chọn giá trị tương đối phù hợp, tính chưa cập nhật xu hướng chưa cao | Lựa chọn giá trị không phù hợp, không cập nhật xu hướng |
| 4. Lựa chọn giá trị văn hóa phù hợp với đối tượng tổ chức, doanh nghiệp. | 20% | Ý tưởng đề xuất có khả năng hiện thực hóa cao. | Ý tưởng đề xuất có khả năng hiện thực hóa. | Ý tưởng đề xuất khó thực hiện. | Ý tưởng đề xuất không có khả năng thực hiện được. |
| 5. Ý tưởng được phác thảo cụ thể, có khả năng hiện thực hóa. | 10% | Đúng format, trình bày đẹp, logic, khoa học, không sai lỗi chính tả | Đúng format, trình bày khoa học, không sai lỗi chính tả | Trình bày đẹp, nhưng chưa đúng format và sai một số lỗi chính tả | Chưa đúng format, trình bày thiếu logic, không khoa học, sai chính tả |
| 6. Hình thức trình bày báo cáo, tiểu luận | 10% | | | | |

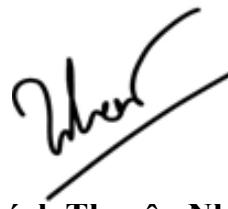
| | | | | | |
|------------------------------------|-------------|---|---|---|--|
| 7. Mức độ đóng góp về nội dung mới | 10% | Bài làm có chủ thích nguồn tham khảo rõ ràng, chính xác. Tỉ lệ đạo văn dưới 5%. | Bài làm có chủ thích nguồn tham khảo rõ ràng. Tỉ lệ đạo văn dưới 10%. | Bài làm có chủ thích nguồn tham khảo tương đối rõ ràng. Tỉ lệ đạo văn dưới 15%. | Bài làm không chủ thích nguồn tham khảo. Tỉ lệ đạo văn trên 15%. |
| TỔNG | 100% | | | | |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Giảng viên ra đề

Người duyệt đề

TS. Lý Lê Tường Minh



Quách Thuyên Nhã Uyên